

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 2369/2025/DSST ngày 26/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V,

Địa chỉ: 89 L, phường Đ, Thành phố H,

Địa chỉ liên hệ: 127B L, phường G, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Nhật Trường;

Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978,

Địa chỉ thường trú: 159/13 Liên Khu X, phường B, Thành phố H.

Địa chỉ cư trú hiện nay: 16 đường số X, KDC V, phường B, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về công nợ: Ông Nguyễn Thanh T còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền như sau:

- Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/202309/39, ký ngày 15/09/2023, số tiền tạm tính đến ngày 05/6/2026 là 651.459.143 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 298.679.933 đồng, Nợ lãi: 352.779.210 đồng.

- Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 11/05/2022, số tiền tạm

tính đến ngày 05/6/2026 là 292.743.849 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 76.821.694 đồng, Nợ lãi: 218.768.878 đồng.

Tổng cộng 02 khoản vay trên là 947.049.715 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 375.501.627 đồng, nợ lãi: 571.548.088 đồng.

2.2. Về trách nhiệm, phương thức và thời hạn thanh toán:

Về trách nhiệm: Ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm thanh toán Ngân hàng TMCP V số nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/202309/39, ký ngày 15/09/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 11/05/2022, tạm tính đến ngày 05/6/2026 là 947.049.715 (chín trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm mười lăm) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 375.501.627 đồng, nợ lãi: 571.548.088 đồng.

Về thời hạn, phương thức thanh toán : Ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm thanh toán Ngân hàng TMCP V số nợ trên một lần ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 06/6/2026 cho đến thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh T còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSA/VN0010325/202309/39, ký ngày 15/09/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 11/05/2022 kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

2.3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 20.205.746 (hai mươi triệu, hai trăm lẻ năm ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu) đồng, hai bên thỏa thuận do ông Nguyễn Thanh T nộp.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 16.723.454 (mười sáu triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046647 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Khu vực X;
- THADS TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP;

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N